

Bản án số: **08/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-12-2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Tịnh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông Huỳnh Quốc Việt
 - 2. Bà Lê Kim Thùy
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Hạnh - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 15/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: Ấp AP, xã ND, huyện KH, tỉnh Kiên G.

- Bị đơn: Ông Đinh Trung H, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Ấp AP, xã ND, huyện KH, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2004 bà N và ông H bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng, trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, đến tháng 01/2018 thì đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau hạnh P được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H thường xuyên ăn chơi, nợ nần, không quan tâm gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, đỉnh điểm là vào khoảng tháng 4/2018 bà N dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông H

- Về con chung: Quá trình chung sống với nhau bà N và ông H có 03 người con chung tên Đinh Ngọc Cẩm Nh, sinh năm 2005, Đinh Ngọc Cẩm G, sinh năm ngày 16/8/2015 và Đinh Trung Trọng P, sinh ngày 12/03/2017. Hiện nay các cháu

đều đang sống chung với bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Đinh Trung H vắng mặt nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); 03 Giấy khai sinh của Nh, G, P (bản chính); Bản tự khai của bà N và cháu Nh (bản gốc).

Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đinh Trung H nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Trung H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Bà N và ông H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012 được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, đến tháng 01/2018 thì đăng ký kết hôn theo quy định. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái với đạo đức xã hội nên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau hạnh P được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H thường xuyên ăn nh, nợ nần, không quan tâm gia đình, hai người sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau, đời sống vợ chồng không hạnh P, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông H nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở để chấp nhận.

[2] *Xét về quyền nuôi con chung*: Qua quá trình giải quyết vụ án cho thấy bà N và ông H có 03 người con chung tên Đinh Ngọc Cẩm Nh, sinh năm 2005, Đinh Ngọc Cẩm G, sinh năm ngày 16/8/2015 và Đinh Trung Trọng P, sinh ngày 12/03/2017. Từ trước đến nay bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, khi ly hôn bà N xin tiếp tục được nuôi các con cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Các cháu đều có nguyện vọng sống chung với mẹ ruột. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, hiện nay các cháu đang sống chung với bà N được đảm bảo tốt về thể chất lẫn tinh thần. Nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu do đó giao các cháu cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N cho rằng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004909 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà N đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 02 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Đinh Trung H.

2. Về con chung: Giao các cháu Đinh Ngọc Cẩm Nh, sinh năm 2005, Đinh Ngọc Cẩm G, sinh năm ngày 16/8/2015 và Đinh Trung Trọng P, sinh ngày 12/03/2017 cho bà Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đinh Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đinh Trung H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004909 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên G. Bà N đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Các Điều 7a,7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS Kiên Hải;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Tịnh